Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
TP.Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11 /2020/QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày 27 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, then thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 8 năm 2020. Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp) | B/c
- Ban TĐKT Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Vụ Địa phương, Ban TĐKT TW;
- VP Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NC(HĐĐ), Ban TĐKT tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Mùa A Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng gồm: nguyên tắc thi đua, khen thưởng; tổ chức các phong trào thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, tuyến trình khen thưởng; hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quản lý công tác thi đua, khen thưởng; Hội đồng thi đua, khen thưởng; Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp; xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

2. Những nội dung không quy định trong văn bản này thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan Đảng, cơ quan chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các Hội quần chúng, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị); gia đình, công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài; người nước ngoài, cơ quan tổ chức trong nước và quốc tế có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quốc phòng - an ninh và các hoạt động khác trên địa bàn tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc thi đua và khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ, cụ thể:

1. Nguyên tắc thi đua

a) Tự nguyện, tự giác, công khai;

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển;

c) Việc xét tặng danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua, đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua và thành tích đạt được của tập thể, cá nhân trong các phong trào thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;

c) Đảm bảo thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;

đ) Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được;

e) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn, thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỉ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để được xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung.

Điều 4. Quy định chung về khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ, cụ thể:

1. Hình thức, mức hạng khen thưởng phải phù hợp với thành tích đạt được. Quan tâm khen thưởng tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phong

trào thi đua; người dân tộc thiểu số ít người, biên giới, vùng sâu, vùng xa và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, học tập, công tác.

2. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Trong báo cáo phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của cấp có thẩm quyền; số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

5. Khi khen thưởng đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được đánh giá "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ".

6. Thời gian xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc ngành giáo dục đào tạo như: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được xét sau khi kết thúc năm học.

7. Trong 01 năm không đề nghị xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ khen thưởng đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn).

8. Đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến, giải pháp để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng gồm:

a) Đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Sáng kiến, giải pháp được cơ quan có thẩm quyền công nhận, được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả.

Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"; ở cấp tỉnh thì xét, tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; phạm vi toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức theo quy định.

9. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo

đang được xác minh làm rõ.

Chưa xét khen thưởng đối với đơn vị mới thành lập có thời gian hoạt động đến thời điểm tổng kết công tác thi đua, khen thưởng dưới 10 tháng (trừ trường hợp lập được thành tích xuất sắc đột xuất).

10. Không xét, đề nghị khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân sau:

a) Tập thể, cá nhân không tổ chức hoặc không tham gia phong trào thi đua; cá nhân vi phạm kỷ luật; hồ sơ đề nghị khen thưởng không nộp đúng thời hạn; báo cáo thành tích không thể hiện thành tích và đầy đủ các nội dung theo quy định;

b) Các tập thể có kết quả đánh giá tổ chức Đảng không hoàn thành nhiệm vụ; có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; đơn vị để xảy ra lãng phí, tham nhũng gây thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước; nội bộ mất đoàn kết.

Chương II
HÌNH THỨC, NỘI DUNG TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua và nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 15, Luật thi đua, Khen thưởng năm 2003; Điều 4 Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 4 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 16, Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Điều 5 Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Hàng năm các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng báo cáo UBND tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua, Khen thưởng tỉnh) để theo dõi tổng hợp.

Điều 6. Đăng ký thi đua

Hàng năm trong tháng 01 (một) các cơ quan, đơn vị, địa phương, cụm, khối thi đua tổ chức phát động các phong trào thi đua thường xuyên, triển khai đăng ký, ký kết giao ước thi đua trong các cơ quan, đơn vị, địa phương và cụm, khối thi đua. Riêng các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo (Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành) tiến hành vào đầu năm học, đảm bảo các nội dung sau:

1. Xác định nội dung, mục đích, yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu thi đua cụ thể, thời gian thực hiện đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương và của cụm, khối thi đua.

2. Đăng ký các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy

ban nhân dân tỉnh và Chính phủ gồm: Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; Cờ Thi đua của Chính phủ, Cờ Thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc.

3. Các đơn vị trưởng các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập có trách nhiệm tổng hợp, đăng ký thi đua cho các thành viên trong khối, cụm theo quy định.

4. Hàng năm các cơ quan, đơn vị, Cụm, Khối thi đua gửi Bản đăng ký thi đua về Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban thi đua, khen thưởng tỉnh) trước ngày 15 tháng 3 hàng năm; đối với đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức, phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai các phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh về nội dung, tổ chức phát động và chỉ đạo các phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; người đứng đầu các tổ chức kinh tế đóng trên địa bàn tỉnh; trưởng cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và các trưởng cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập; thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, chủ trì tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xét, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét, khen thưởng theo quy định; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức mình tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến. Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Danh hiệu thi đua

Danh hiệu thi đua đối với tập thể, cá nhân và hộ gia đình thực hiện theo quy định tại Điều 20 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

Các danh hiệu thi đua được áp dụng tại Quy định này gồm:

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể: "Cờ thi đua của UBND tỉnh", "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng"; "Tập thể Lao động tiên tiến"; "Đơn vị tiên tiến".

2. Danh hiệu "Thôn văn hóa", "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa" "Gia đình văn hóa".

3. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến".

Điều 9. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến":

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

2. Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc": Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 dành xét tặng cho các đối tượng gồm:

a) Phòng, ban, chi cục và tương đương thuộc và trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

b) Phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc và trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

c) Xí nghiệp, phòng, phân xưởng, tổ, đội, hợp tác xã... trực thuộc doanh nghiệp tham gia khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập;

d) Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng và tương đương.

3. Danh hiệu "Đơn vị quyết thắng": Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 và hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Tỷ lệ xét tặng thực hiện theo hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

4. Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh": Thực hiện theo quy

định tại Điều 26 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ. Đối tượng xét tặng gồm:

a) Các cơ quan, đơn vị thành viên thuộc cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập;

b) Các phòng, ban đơn vị thành viên thuộc khối thi đua do Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập khi được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền (theo hướng dẫn tổ chức, kiện toàn cụm, khối thi đua của tỉnh);

c) Ủy ban nhân dân tỉnh không ban hành Quyết định tặng Cờ thi đua cấp tỉnh đối với tập thể đủ tiêu chuẩn đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

Điều 10. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến": Thực hiện theo quy định tại Điều 24, Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Khoản 6, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013; Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở": Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Khoản 5, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Tỷ lệ xét tặng: Không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc "Chiến sĩ tiên tiến" của cơ quan, đơn vị.

3. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh": Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Thôn, bản, tổ dân phố văn hóa"; "Gia đình văn hóa"

Thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 và quy định tại các văn bản pháp luật khác của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

CHƯƠNG III
HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 12. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đối với cá nhân: Thực hiện theo Quy định tại khoản 39 Điều 1, Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân gương

mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng ở một trong những lĩnh vực thuộc tỉnh;

c) 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Đối với công nhân, nông dân, người lao động: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng ở cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Nông dân có sáng kiến được áp dụng hiệu quả trên phạm vi cấp huyện trở lên hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân khác thoát nghèo và tạo việc làm ổn định cho 03 lao động trở lên.

3. Đối với tập thể: Thực hiện theo Mục 2, Khoản 39, Điều 1 Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

c) 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp bằng công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng/năm trở lên (được tính cộng dồn nếu đóng góp nhiều lần trong 01 năm).

5. Khen thưởng đối ngoại: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được tặng thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

6. Khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho thành tích đột xuất.

a) Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất theo quy định tại khoản 3, Điều 13, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 1 Điều 9 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất chủ yếu thực hiện ở sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị. Trường hợp lập thành tích đặc biệt xuất sắc, phạm vi ảnh hưởng đối với toàn tỉnh, toàn quốc, thế giới thì Thủ trưởng đơn vị căn cứ quy định, tình hình thực tiễn, phạm vi ảnh hưởng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, khen thưởng.

b) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) trong các cuộc thi, hội thi, hội diễn cấp quốc tế, quốc gia hoặc đạt giải nhất (hoặc tương đương) trong các cuộc thi khu vực, các giải thưởng do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức. Trong trường hợp tập thể, cá nhân đạt giải cao ở nhiều nội dung trong một cuộc thi thì chỉ được xét khen thưởng cho thành tích cao nhất.

c) Tập thể, cá nhân có phát minh, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật đem lại hiệu quả được Hội đồng Khoa học cấp tỉnh hoặc Trung ương chứng nhận.

7. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thành tích theo đợt (hoặc chuyên đề) được xét tặng cho tập thể, cá nhân (đối tượng trực tiếp tham gia) lập được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức phát động.

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng bằng khen trong khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) phải có kế hoạch cụ thể trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xét tặng Bằng khen tối đa cho không quá 02 tập thể và 05 cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất trong thực hiện thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề). Trường hợp phong trào thi đua có phạm vi ảnh hưởng, đối tượng rộng, sức lan tỏa lớn có thể được xem xét khen thưởng vượt quá số lượng nêu trên nhưng tối đa không quá 10 tập thể và 20 cá nhân. Trường hợp đặc biệt phải có ý kiến chỉ đạo bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về số lượng và đối tượng khen thưởng.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xét tặng Bằng khen cho 01 tập thể và không quá 02 cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp tích cực cho sự phát triển của tỉnh khi tổ chức ngày thành lập, ngày kỉ niệm, ngày truyền thống là các năm tròn *(Năm tròn là năm có chữ số cuối cùng là "0")* đối với các đối tượng sau:

a) Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;

b) Các huyện, thị xã, thành phố;

c) Các Hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; các doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; cơ quan

thuộc ngành dọc quản lý;

d) Ngoài quy định nêu trên các tập thể khác có thể được xét, tặng Bằng khen khi tổ chức kỷ niệm các ngày thành lập, ngày truyền thống khi được sự nhất trí bằng văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh.

9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các nhà hảo tâm, nhà từ thiện, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quyên góp, đóng góp, tài trợ, hỗ trợ cho tỉnh.

Việc tặng thưởng kèm Bằng khen được xét trên cơ sở đề nghị của đơn vị trình khen và kết quả thẩm định, đề xuất của cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh. Tùy từng trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh sẽ xem xét, quyết định tặng thưởng cho phù hợp theo quy định.

Điều 13. Giấy khen: Thực hiện theo quy định tại Điều 74,75,76, Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; Khoản 41, 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, XÉT DUYỆT, TRAO TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 14. Thẩm quyền quyết định, đề nghị khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định tặng thưởng Bằng khen, tặng danh hiệu "Cờ thi đua xuất sắc", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc"; "Đơn vị quyết thắng";

b) Xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước;

c) Hiệp y khen thưởng với các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen, tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Cờ thi đua, Bằng khen, công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen; tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", danh hiệu "Lao động tiên tiến", danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến", danh hiệu "Thôn, bản, tổ dân phố văn hoá";

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Cờ thi đua, Bằng khen, công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen, tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", danh hiệu "Gia đình văn hóa";

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét, tặng danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", danh hiệu "Thôn, bản, tổ dân phố văn hoá" và trình các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn theo quy định.

5. Đối với các tổ chức kinh tế

Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã , Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, người đứng đầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quyết định tặng thưởng Giấy khen, tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" và trình khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định.

6. Đối với các Hội là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh, Chủ tịch các Hội quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến". Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Cờ thi đua, Bằng khen, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" và trình khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định đồng thời thực hiện theo quy định cơ quan Trung ương của các tổ chức này.

Điều 15. Thẩm quyền xét duyệt hồ sơ khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ đề nghị khen thưởng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, danh hiệu thi đua cấp Nhà nước.

a) Trình Chủ tịch UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với tổ chức và cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong các trường hợp:

Đề nghị tặng thưởng "Huân chương lao động hạng nhất" "Huân chương Quân công hạng nhất", "Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng nhất", "Huân chương Chiến công hạng nhất", "Huân chương Đại đoàn kết dân tộc", "Huân chương Dũng cảm", "Huân chương Hữu nghị", "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương độc lập"; Danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Thầy thuốc nhân dân", "Nghệ sỹ nhân dân", "Nghệ nhân nhân dân", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", danh hiệu "Anh hùng Lao động",

"Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân".

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét cho ý kiến trước khi trình Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với các trường hợp:

Huân chương, Huy chương, các danh hiệu thi đua, khen thưởng do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ trao tặng (trừ các trường hợp thuộc điểm a khoản 1 Điều này) đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua, Khen thưởng tỉnh) chịu trách nhiệm thẩm định, tổng hợp hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng.

a) Đối với danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", Sở Nội vụ (Ban Thi đua, Khen thưởng) thông qua Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh trước khi báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", Sở Nội vụ (Ban thi đua, khen thưởng tỉnh) lấy ý kiến nhân dân trên các phương tiện thông tin của tỉnh (Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Báo Điện Biên Phủ...), trong thời hạn ít nhất là 07 ngày làm việc trước khi trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét khen thưởng (trừ trường hợp có thành tích xuất sắc đột xuất).

Việc lấy ý kiến của nhân dân, trên phương tiện thông tin và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước khi trình cấp trên khen thưởng.

c) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thủ tục hồ sơ, thời gian trình khen của các cấp, các ngành và tổ chức khác trong và ngoài tỉnh khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Hội đồng thi đua, khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn có liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định khen thưởng.

Điều 16. Tuyến trình khen thưởng

1. Tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi sơ kết, tổng kết khen thưởng sử dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền, trường hợp thành tích lập được đặc biệt tiêu biểu xuất sắc và có sức ảnh hưởng lớn mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức xã hội do Chủ tịch

Ủy ban nhân dân các cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

4. Đối với tổ chức, cá nhân thuộc giáo hội tỉnh do cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo (Sở Nội vụ) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về tôn giáo; xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

5. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh liên quan đến sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương nào thì Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương đó quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng.

Điều 17. Hiệp y khen thưởng

1. "Hiệp y khen thưởng" là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ xác định trước khi quyết định khen thưởng.

2. Việc hiệp y khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Sở Nội vụ (Ban thi đua, khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm đề nghị hiệp y của các cơ quan liên quan. Khi nhận được văn bản xin ý kiến hiệp y, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời. Sau thời hạn trên nếu không có ý kiến trả lời, Sở Nội vụ (Ban thi đua, khen thưởng tỉnh) tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định.

Điều 18. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1.Tổ chức trao tặng

a) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen cấp Nhà nước: Khi có quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ thì các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương có tập thể, cá nhân được khen thưởng phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh để có kế hoạch hướng dẫn tổ chức trao thưởng;

b) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp tỉnh: cơ quan, đơn vị có kế hoạch tổ chức trao trong hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề hoặc tổng kết năm;

c) Đối với các trường hợp khen thưởng đột xuất khen thưởng cấp Nhà nước, giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua, khen thưởng tỉnh) phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng trực tiếp;

d) Không tổ chức đón, rước các hình thức khen thưởng từ cấp này, địa điểm này đến cấp khác, địa điểm khác. Mỗi trường hợp được khen thưởng chỉ trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp xét thấy có tác dụng giáo dục nêu

gương tốt nhất.

2. Nghi thức trao tặng và tổ chức đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo Điều 44, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Yêu cầu buổi lễ phải được tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

Chương V
QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP BÌNH XÉT CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 19. Quy trình bình xét

1. Ngay từ đầu năm công tác hoặc năm học, các cơ quan, đơn vị tổ chức cho tập thể, cá nhân trong cơ quan, đơn vị tiến hành đăng ký thi đua theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

2. Kết thúc năm công tác hoặc năm học, các cơ quan, đơn vị tổ chức bình xét khen thưởng theo các bước sau:

Bước 1: Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở tổ chức xét công nhận, đánh giá tác động, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu khoa học;

Bước 2: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền và ra quyết định xếp loại;

Bước 3: Căn cứ kết quả xét, đánh giá phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và kết quả đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp cơ sở tổ chức bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo trình tự sau: Bình chọn cá nhân trước, tập thể sau; danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau; hình thức thấp, mức khen thấp tiến hành trước; hình thức cao, mức khen cao tiến hành sau.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị cấp trên khen thưởng quy định tại Điều 14 của Quy định này.

Điều 20. Phương pháp bình xét

1. Việc bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện bằng hình thức giơ tay biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Riêng đối với danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", "Cờ Thi đua của Chính phủ", "Anh hùng lao động", "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" khi bình xét bắt buộc phải bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2. Cá nhân, tập thể được chọn đề nghị khen thưởng phải có ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng từ 70% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng. Riêng đối với các danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp

tỉnh", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", "Anh hùng Lao động", "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" phải có tỉ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng.

Nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản. Việc bình xét phải được ghi thành biên bản.

3. Trong xét khen thưởng tổng kết năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải cân đối tỷ lệ khen thưởng hợp lý giữa người giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và người không giữ chức vụ. Trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét như sau:

Nhóm 1: Cán bộ, công chức viên chức giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt của cơ quan, đơn vị, địa phương (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương trở lên);

Nhóm 2: Công chức viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương;

Nhóm 3: Công chức viên chức không giữ chức vụ (chuyên viên, cán sự, nhân viên, công nhân, người lao động).

Chương VI
THỦ TỤC HỒ SƠ, THỜI GIAN TRÌNH HỒ SƠ KHEN THƯỞNG, HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 21. Thủ tục hồ sơ

1. Thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều: 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thi đua khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Điện Biên.

2. Căn cứ tiêu chuẩn xét tặng các loại danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, các hồ sơ đề nghị khen thưởng phải đảm bảo số lượng, đầy đủ các thủ tục liên quan và chứng minh đạt được tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định. Để kiểm tra tính xác thực của hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng, khi cần thiết, cơ quan chuyên trách về thi đua, khen thưởng đi cơ sở để thẩm định thành tích hoặc yêu cầu đơn vị trình khen cung cấp các văn bản chứng minh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các văn bản đánh giá tổ chức Đảng, đoàn thể; đánh giá nhận xét của cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hàng năm, đề tài, sáng kiến, các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã đạt được ở cơ sở.

Điều 22. Thời gian trình hồ sơ khen thưởng

1. Khen thưởng cấp tỉnh

a) Khen thưởng thường xuyên

Khối Kinh tế - xã hội: thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

Khối Giáo dục và Đào tạo: Tập thể, cá nhân các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo trình hồ sơ khen thưởng sau khi kết thúc năm học, thời gian trước ngày 15 tháng 7 hàng năm. Riêng các trường chuyên nghiệp, thời gian trình hồ sơ khen thưởng tổng kết năm học trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

b) Khen thưởng theo đợt, chuyên đề: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc.

c) Khen thưởng đột xuất: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi lập được thành tích.

2. Khen thưởng cấp Nhà nước

a) Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ": Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước ngày 15 tháng 02 hàng năm. Đối với hệ thống giáo dục và đào tạo, trước ngày 31 tháng 7 hàng năm. Các trường chuyên nghiệp trước ngày 15 tháng 8 hàng năm;

b) Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước ngày 30 tháng 3 hàng năm. Đối với hệ thống giáo dục và đào tạo, trước ngày 15 tháng 8 hàng năm;

c) Danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động": Thời gian trình hồ sơ khen thưởng bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 15 tháng 11 của năm trước năm tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc;

Ngoài các đợt trên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xét, đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất, thành tích theo chuyên đề và các hình thức khen thưởng đặc thù khác.

Trường hợp chậm quá thời hạn nêu trên, nếu không có lý do Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) không tiếp nhận hồ sơ trình khen thưởng.

Điều 23. Thời gian thông báo kết quả xét khen thưởng

1. Các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định và được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho đơn vị trình khen biết.

2. Các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo bằng văn bản cho đơn vị trình khen biết.

Điều 24. Hiện vật khen thưởng

Thực hiện theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng; Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20/7/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

Điều 25. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận khen thưởng khi các đối tượng có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của Nhà nước về lưu trữ.

Chương VII
QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 26. Nguồn hình thành và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 65, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 27. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 66, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Thực hiện trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, cụ thể:

a) Chi tổ chức phát động các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề trong phạm vi ngành, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối;

b) Chi tham gia, tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ, hội thi về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến, lấy ý kiến nhân dân đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng cấp nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng;

c) Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng thi đua, khen thưởng; xây dựng quy định, chính sách về thi đua, khen thưởng;

d) Chi tổ chức, tham gia hội nghị ký kết giao ước thi đua, hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua yêu nước;

đ) Chi công tác thanh, kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo về chính sách khen thưởng ở ngành, địa phương, đơn vị cơ sở;

e) Chi đi học tập kinh nghiệm các điển hình tiên tiến, nhân tố mới các huyện, thành phố trong tỉnh và các tỉnh trong cả nước;

g) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua, công tác khen thưởng.

Điều 28. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

Thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74, Điều 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 29. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỉ lệ, mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch và quyết toán theo quy định hiện hành. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh được quản lý tại Ban thi đua, khen thưởng tỉnh, quỹ thi đua, khen thưởng cấp huyện do cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo hình thức khen thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cơ quan, đơn vị mình quản lý.

3. Đối với các tập thể, cá nhân được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng theo tuyến trình của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Ban thi đua, khen thưởng tỉnh có trách nhiệm chi từ nguồn Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

4. Đối với các tập thể, cá nhân được Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định khen thưởng: Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

5. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, hàng năm phải báo cáo quyết toán tình hình sử dụng quỹ theo quy định hiện hành.

Chương VIII
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 30. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến

Thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 31. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

Thực hiện theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hằng năm và nội dung chương trình để tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cử cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 32. Hội đồng thi đua, khen thưởng các cấp

1. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc.

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh

a) Thực hiện theo Điều 63 Nghị định 91/2017/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ. Hội đồng có từ 15 đến 17 thành viên;

b) Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

3. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp sở, ngành và tương đương

a) Thành phần Hội đồng, gồm:

Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

Hội đồng có từ 9-15 thành viên; Phó Chủ tịch và các ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

b) Phòng Tổ chức cán bộ hoặc Văn phòng là cơ quan thường trực của Hội đồng.

4. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện

a) Thành phần Hội đồng, gồm:

Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hội đồng có từ 13 - 15 thành viên. Phó Chủ tịch và các ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

b) Phòng Nội vụ (Ban Tổ chức và Nội vụ) cấp huyện là cơ quan thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn thành lập, quy định thành phần đối với Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp xã cho phù hợp.

5. Hội đồng thi đua, khen thưởng doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức kinh tế, xã hội do người đứng đầu đơn vị thành lập và làm chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện cấp ủy, tổ chức công đoàn, các đoàn thể của đơn vị và một số bộ phận trực thuộc, số lượng Phó Chủ tịch và Ủy viên tùy vào tổ chức của đơn vị.

6. Hội đồng thi đua, khen thưởng của các đơn vị lực lượng vũ trang thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng; Bộ Công an.

Điều 33. Hội đồng công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp (gọi chung là Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp)

1. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp tỉnh:

a) Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, thành phần Hội đồng gồm: 01 đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, thành viên gồm những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác; có quy chế hoạt động do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành;

b) Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp tỉnh có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả trong phạm vi tỉnh hoặc toàn quốc để làm căn cứ đề nghị xét khen thưởng của Chủ tịch nước; danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"; danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" theo quy định.

2. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở (các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh):

a) Do thủ trưởng cơ quan, người đứng đầu đơn vị hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, thành phần Hội đồng gồm: Đại diện 01 lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoặc 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng, thành viên gồm những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác; có quy chế hoạt động do thủ trưởng cơ quan, người đứng đầu đơn vị hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định ban hành;

b) Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ giúp thủ trưởng cơ quan, người đứng đầu đơn vị hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả trong phạm vi cơ sở để làm căn cứ đề nghị xét tặng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

Chương IX
KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 34. Kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm tham mưu Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị và cụm, khối thi đua trong phạm vi toàn tỉnh về việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng theo quy định; kịp thời bổ sung biện pháp nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Trưởng Cụm, khối thi đua có trách nhiệm kiểm tra, giám sát phong trào thi đua theo các nội dung giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 35. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên.

Điều 36. Xử lý vi phạm

Thực hiện theo quy định tại Điều 96, Điều 97 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 78, Điều 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 37. Khiếu nại tố cáo

Thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc tỉnh căn cứ Quy định này, cụ thể hóa thành quy định của đơn vị, địa phương đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn để đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện công tác khen thưởng đúng chính sách pháp luật, góp phần khích lệ, động viên, giáo dục, nêu gương nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao.

2. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Quy định này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức xây dựng phong trào thi đua, phát hiện và bồi dưỡng điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

3. Sở Nội vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện Quy định này.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh, vướng mắc, bất cập các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi phản ánh về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Mùa A Sơn